

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2024/DS-ST
Ngày: 15 – 8 - 2024
“V/v Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nhơn;
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Thao và bà Bạch Quảng
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hải - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo Nhi - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 29 tháng 7 năm 2024 và ngày 15 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 179/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 05 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B (B1); Địa chỉ: Tầng A và tầng E, tòa nhà C, A P, phường P, quận H, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Lưu Quyết T; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:
+ Ông Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1990, chức vụ: Cán bộ phòng xử lý nợ - Ngân Hàng TMCP B chi nhánh G; địa chỉ: G H, phường T thành phố P, tỉnh Gia Lai.
+ Ông Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1996, chức vụ: Cán bộ khách hàng cá nhân – Ngân hàng TMCP B chi nhánh G

(Giấy ủy quyền số: 07/2023/UQ-BVB ngày 25/7/2023). Có mặt.
- Bị đơn: Ông Ngô Vương Q, sinh năm 1987, Địa chỉ: A N, Tổ B, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai và bà Nguyễn Thị H; sinh năm: 1988; Địa chỉ: Tổ A, phường I, TP P, tỉnh Gia Lai. **Vắng mặt.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23-04-2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn trình bày: Ông Ngô Vương Q, bà Nguyễn Thị H

và Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh G đã cùng ký kết các Hợp đồng tín dụng số và kế ước nhận nợ, chi tiết như sau:

- Ngày 04/11/2019, Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh G cho ông Ngô Vương Q, bà Nguyễn Thị H vay thông qua Hợp đồng tín dụng số 0284/2019/HĐTD2/BVB63 với số tiền là 650.000.000.000 đồng, thời hạn 240 tháng; mục đích: Vay để tiêu dùng.

- Ngày 01/04/2021, Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh G cho ông Ngô Vương Q, bà Nguyễn Thị H vay thông qua Hợp đồng tín dụng số 0052-2021-HĐTD2- BVB063 với số tiền là 350.000.000 đồng, thời hạn vay 240 tháng với mục đích vay là để bù đắp chi phí mua bất động sản.

- Ngày 15/06/2021 Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh G cho ông Ngô Vương Q, bà Nguyễn Thị H vay thông qua Hợp đồng tín dụng số: 0145-2021-HĐTD2-BVB063 ký ngày 15/06/2021 với số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn cho vay 84 tháng; mục đích để tiêu dùng.

Theo Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số B17316 ký ngày 06/10/2020, Ngân hàng TMCP B cấp thẻ tín dụng nội địa B1 cho ông Ngô Vương Q với hạn mức thẻ tín dụng là 180.000.000 đồng và được điều chỉnh hạn mức thẻ tín dụng ngày 19/12/2022, hạn mức tín dụng là: 275.000.000 đồng. Thời hạn của thẻ tín dụng là 5 năm với mục đích vay tiêu dùng.

Tại Điều 5 của các hợp đồng tín dụng, Mục 2 của các kế ước nhận nợ vào các ngày: 01/4/202, 15/6/2021, 04/11/2019 và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 06/10/2020 giữa Ngân hàng với ông Q và bà H có cam kết vụ trả dần nợ gốc và lãi phát sinh của các khoản vay định kỳ hàng tháng.

Hợp đồng số: 1317316.A.19.HĐTC.GL ngày 04/11/2019, ông Ngô Vương Q và bà Nguyễn Thị H thế chấp quyền sử dụng thửa đất số: 232, tờ bản đồ số 67, tại Tổ A, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai, Có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CQ 761555 cấp ngày 25/4/2021 đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Ngô Vương Q và bà Nguyễn Thị H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP B, nên Ngân hàng TMCP B yêu cầu Tòa án buộc ông Ngô Vương Q và bà Nguyễn Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP B số tiền 1.583.973.379 đồng trong đó gồm nợ gốc là 1.256.863.454 đồng, nợ lãi và phí tính đến ngày 15/8/2024 là 327.109.925 đồng. Trường hợp phía bị đơn không trả được nợ, thì B1 yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Thông báo số 25/2023/TB-BVB.GL ngày 26/6/2023 của Ngân hàng có nội dung quá trình thực hiện hợp đồng, ông Ngô Vương Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên các khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn.

Tại “Bảng tổng hợp gốc lãi khách hàng Ngô Vương Q & Nguyễn Thị H tạm tính đến ngày 15/8/2024” Ngân hàng B1 liệt kê chi tiết từng khoản nợ đến hạn và các khoản lãi trong hạn, lãi quá hạn còn phải trả. Tổng cộng số tiền nợ của bốn hợp đồng số: 0284/2019/HĐTD2/BVB63 ngày 04/11/2019; 0052-2021-HĐTD2BVB063 ngày 01/4/2021; 0145-2021-HĐTD2-BVB063 ngày 15/6/2021 và B17316 ngày 06/10/2020 chưa trả là 1.583.973.379 đồng.

Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 01/7/2024 đối với tài sản thế chấp là thửa đất số 232, tờ bản đồ 67 có giấy CNQSD số CQ 761555 cấp ngày 25/4/2019 tại tổ A, phường I, thành phố P hiện nay không tranh chấp, có diện tích 150m².

Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp, hợp đồng thế chấp và hợp đồng tín dụng, Ông Ngô Vương Q có địa chỉ cư trú tại tổ B, phường D, bà Nguyễn Thị H có địa chỉ cư trú tại tổ A phường I, thành phố P, Gia Lai.

Biên bản xác minh ngày 27/5/2024 tại địa chỉ ghi trong các văn bản giao dịch nói trên của ông Ngô Vương Q và bà Nguyễn Thị H, chính quyền địa phương cho biết, ông Q và bà H có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại địa phương, nhưng hiện nay đã chuyển đi nơi khác, chính quyền không biết đang ở đâu.

Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng để ông Q và bà H đến tham gia tố tụng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định của pháp luật, nhưng ông Q và bà H không đến tham gia và vắng mặt tại phiên toàn lần thứ hai.

Kiểm sát viên tại phiên tòa không có ý kiến, yêu cầu gì về phần thủ tục tố tụng do Tòa án tiến hành trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với nội dung khởi kiện, Kiểm sát viên đề nghị Tòa án buộc ông Ngô Vương Q chịu trách nhiệm cá nhân đối với số nợ vay tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số B17316 ngày 06/10/2020, vì bà H không tham gia ký hợp đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Ngô Vương Q và bà Nguyễn Thị H tham gia giao dịch dân sự về vay tiền với Ngân hàng thương mại Cổ phần B (Viết tắt là B1 - Gọi tắt là Ngân hàng) có địa chỉ nơi cư trú tại thành phố P. Nhưng khi thay đổi nơi cư trú không thông báo cho Ngân hàng biết về nơi cư trú mới là trái với quy định tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật Dân sự. Vì vậy Ngân hàng lựa chọn nơi cư trú cuối cùng của bị đơn khởi kiện, nên Tòa án nhân dân thành phố Pleiku thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 171; các điều 173, 179, 180 nhưng bị đơn không đến tham gia và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do, nên được xem là từ bỏ quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, do đó Tòa án mở phiên tòa xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

2.1. Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự trong các hợp đồng vay số: 0284/2019/HĐTD2/BVB63 ngày 04/11/2019; 0052-2021-HĐTD2BVB063 ngày 01/4/2021; 0145-2021-HĐTD2-BVB063 ngày 15/6/2021 và B17316 ngày 06/10/2020 với số tiền bị đơn chưa trả là 1.583.973.379 đồng không trái đạo đức, không vi phạm pháp luật nên có hiệu lực thi hành. Do ông Ngô Vương Q và bà Nguyễn Thị H vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận nên Ngân hàng khởi kiện là đúng quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự, Điều 95 của Luật Các tổ chức Tín dụng.

2.2. Đối với Hợp đồng Vay tài sản:

Theo thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ cũng như hợp

đồng sử dụng thẻ tín dụng, thì số tiền vay được chia đều cho thời hạn vay, ông Q và bà H có nghĩa vụ trả dần theo định kỳ hàng tháng cùng với lãi phát sinh của các khoản vay cho đến khi hết nợ. Nhưng do ông Q và bà H đã vi phạm hợp đồng, không thực hiện nghĩa vụ theo thỏa thuận, Ngân hàng đã thông báo, yêu cầu thực hiện, nhưng ông Q và bà H không thực hiện nên đã chuyển số nợ gốc đến hạn sang nợ quá hạn để buộc trả lãi quá hạn bằng 150% lãi suất thỏa thuận ghi trong hợp đồng là có căn cứ, được quy định tại điểm b khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Theo bảng tổng hợp, Ngân hàng đã liệt kê chi tiết từng khoản nợ tương ứng với thời gian chậm trả, tính đến ngày 15/8/2024 ông Q và bà H còn nợ tổng số tiền là 1.583.973.379 đồng, trong đó có 1.256.863.454 đồng nợ gốc, 326.159.925 đồng nợ lãi (bao gồm lãi quá hạn) và 950.000 đồng phí theo thỏa thuận là có cơ sở nên được chấp nhận.

Ông Ngô Vương Q và bà Nguyễn Thị H còn phải tiếp tục chịu lãi theo mức lãi thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử 15/8/2024 cho đến khi thi hành xong các khoản nợ trên.

[3]. Về hợp đồng thế chấp:

Hợp đồng thế chấp tài sản 1317316.A.19.HĐTC.GL ngày 04/11/2019 để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của ông Ngô Vương Q và bà Nguyễn Thị H đối với thửa đất số 232, tờ bản đồ 67, diện tích 150m² tại tổ A, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng số CQ 761555 ngày 25/4/2019 và nội dung thỏa thuận về việc xử lý tài sản thế chấp không trái pháp luật, không trái đạo đức, đúng quy định tại các điều: 295, 298, 299, 317, 320, 321 của Bộ luật Dân sự nên phát sinh hiệu lực. Hiện nay tài sản thế chấp không bị tranh chấp. Do đó, cần tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp để đảm bảo cho việc thi hành án. Trường hợp ông Q và bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo phương thức xử lý đã thỏa thuận.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên theo quy định tại các điều: 144, 147, 157, 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì ông Ngô Vương Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm của số tiền nợ còn phải trả là: 36.000.000 đồng + (1.583.973.379 - 800.000.000) đồng x 3% = 59.519.201 đồng (làm tròn số);

Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại Cổ phần B số tiền 28.041.927 đồng đã nộp tạm ứng án phí, theo biên lai thu tiền số 0001676 ngày 10/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku.

- Tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 7.000.000đ, Ngân hàng thương mại Cổ phần B- Chi nhánh G đã nộp tạm ứng; buộc ông Ngô Vương Q và bà Nguyễn Thị H phải nộp số tiền 7.000.000đ để hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại Cổ phần B- Chi nhánh G.

- Tiền chi phí đăng tin thông báo trên báo, đài là 5.806.000 đồng, Ngân hàng phải chịu theo quy định tại Khoản 2 Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngân hàng đã thanh toán xong nên không xem xét.

[6]. Đối với ý kiến của Kiểm sát viên về số tiền vay trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng là nghĩa vụ riêng của ông Q, vì bà H không tham gia ký hợp đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng, tại Mục 5 của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng có ghi thông tin bà Nguyễn Thị H là vợ của ông Ngô Vương Q. Theo quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì khoản tiền ông Q có được từ hợp đồng vay tiền là

thu nhập hợp pháp trong thời kỳ hôn nhân, nên là tài sản chung của vợ chồng. Do đó, theo quy định tại Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ về tài sản phát sinh từ giao dịch do vợ hoặc chồng thực hiện. Ngoài ra, ông Q và bà H không tham gia tố tụng, không cung cấp chứng cứ tài liệu để chứng minh, nên không có căn cứ buộc riêng ông Q phải thực hiện nghĩa vụ. Vì vậy ý kiến của Kiểm sát viên không có cơ sở để chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 40; khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, 157; Điều 180; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các điều: 298, 299, 303, 320, 317, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức Tín dụng;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Buộc ông Ngô Vương Q và bà Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền 1.583.973.379 đồng (Một tỷ, năm trăm tám mươi ba triệu, chín trăm bảy mươi ba nghìn, ba trăm chín mươi bảy đồng), trong đó có 1.256.863.454 đồng nợ gốc, 326.159.925 đồng nợ lãi (bao gồm lãi quá hạn) và 950.000 đồng phí.

Buộc ông Ngô Vương Q và bà Nguyễn Thị H phải hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) tiền chi phí tố tụng khác.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm 15/8/2024, cho đến khi thi hành xong đối với số tiền nợ vay và kể từ ngày có đơn yêu cầu Thi hành án đối với số tiền hoàn trả, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng và theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp số 1317316.A.19.HĐTC.GL ngày 04/11/2019 để đảm bảo thi hành án. Ngân hàng Thương mại cổ phần B được quyền xử lý tài sản đã thế chấp theo phương thức đã thỏa thuận đúng quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Ngô Vương Q và bà Nguyễn Thị H phải chịu 59.519.201 (Năm mươi chín triệu, năm trăm mười chín nghìn, hai trăm không một) đồng.

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại Cổ phần B số tiền 28.041.927 đồng đã nộp tạm ứng án phí, theo biên lai thu tiền số 0001676 ngày 10/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 7b của Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp.Pleiku;
- THADS Tp.Pleiku;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Nhơn